

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1348*/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày *23* tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học,
cao đẳng hệ chính quy đợt 2 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Ban hành theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012);

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Hồng Đức (ban hành theo Quyết định số 234/QĐ-ĐHHĐ ngày 26/02/2013);

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-ĐHHĐ ngày 23/05/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp hệ chính quy đợt 2 năm 2022;

Căn cứ kết quả học tập toàn khóa của sinh viên và Biên bản của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp họp vào ngày 23 tháng 06 năm 2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng chính quy đợt 2 tháng 6 năm 2022 cho 669 sinh viên, trong đó có 04 kỹ sư, 606 cử nhân đại học và 59 cử nhân cao đẳng (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, GDCT&CT HSSV, trưởng các khoa có sinh viên tốt nghiệp, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (Để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



Bùi Văn Dũng
Bùi Văn Dũng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 THÁNG 6 NĂM 2022
(Ban hành theo QĐ số 1348/QĐ-DHHD ngày 23/6/2022)

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Toán học (Chương trình chất lượng cao)									
1	1	186101CLC01	Lê Thị Phương Ngọc	Nữ	15.07.2000	Thanh Hóa	186101CLC	3.77	Xuất sắc
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Toán học									
2	1	1461010047	Đỗ Tuấn Anh	Nam	01.07.1996	Thanh Hóa	146101B	2.13	Trung bình
3	2	1761010016	Bùi Hồng Văn	Nam	11.06.1996	Thanh Hóa	176101A	2.43	Trung bình
4	3	1861010008	Lê Thủy An	Nữ	07.05.2000	Thanh Hóa	186101A	3.35	Giỏi
5	4	1861010002	Nguyễn Xuân Đại	Nam	30.10.2000	Thanh Hóa	186101A	2.76	Khá
6	5	1861010003	Đỗ Thị Hiền	Nữ	23.05.2000	Thanh Hóa	186101A	3.07	Khá
7	6	1861010004	Hoàng Văn Hùng	Nam	22.10.2000	Thanh Hóa	186101A	3.63	Xuất sắc
8	7	1861010007	Nguyễn Anh Vũ	Nam	18.08.1998	Thanh Hóa	186101A	2.83	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Vật lý									
9	1	1561020014	Trần Thanh Hùng	Nam	17.05.1995	Thanh Hóa	156102A	2.53	Khá
10	2	1861020001	Vũ Lê Chi	Nữ	06.11.2000	Thanh Hóa	186102A	3.41	Giỏi
11	3	1861020002	Trương Thị Lan	Nữ	24.04.2000	Thanh Hóa	186102A	3.31	Giỏi
12	4	1861020003	Phạm Thùy Linh	Nữ	03.10.2000	Thanh Hóa	186102A	3.53	Giỏi
13	5	1861020004	Lê Thành Nam	Nam	02.06.1998	Thanh Hóa	186102A	3.00	Khá
14	6	1861020005	Mai Thị Thanh	Nữ	25.12.2000	Thanh Hóa	186102A	3.23	Giỏi
15	7	1861020006	Xeng Vue	Nam	01.01.1996	CHDCND Lào	186102A	2.79	Khá
16	8	1861020007	Por Xaileesiong	Nam	04.09.1998	CHDCND Lào	186102A	2.93	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Hóa học									
17	1	1462010015	Trương Thị Hiền	Nữ	23.01.1996		166201A	2.35	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn (Chương trình chất lượng cao)									
18	1	186601CLC01	Hoàng Mai Anh	Nữ	23.07.2000	Thanh Hóa	186601CLC	3.50	Giỏi
19	2	186601CLC02	Lê Thị Ngọc Ánh	Nữ	13.05.2000	Thanh Hóa	186601CLC	3.60	Xuất sắc
20	3	186601CLC03	Hồ Thị Hoa	Nữ	19.04.1999	Thanh Hóa	186601CLC	3.69	Xuất sắc
21	4	186601CLC04	Trịnh Thị Bích Hồng	Nữ	13.11.2000	Thanh Hóa	186601CLC	3.53	Giỏi
22	5	186601CLC05	Cao Khánh Huyền	Nữ	24.09.2000	Thanh Hóa	186601CLC	3.39	Giỏi
23	6	186601CLC06	Hà Thị Linh	Nữ	02.08.2000	Thanh Hóa	186601CLC	3.49	Giỏi
24	7	186601CLC07	Nguyễn Thế Nam	Nam	19.05.1999	Thanh Hóa	186601CLC	3.36	Giỏi
25	8	186601CLC08	Hà Văn Nghiệp	Nam	28.02.2000	Thanh Hóa	186601CLC	3.33	Giỏi
26	9	186601CLC09	Lâm Thị Thu Thảo	Nữ	01.01.2000	Thanh Hóa	186601CLC	3.53	Giỏi
27	10	186601CLC10	Phạm Thị Thu Thương	Nữ	13.12.1998	Thanh Hóa	186601CLC	3.49	Giỏi
28	11	186601CLC11	Nguyễn Văn Tùng	Nam	24.07.2000	Thanh Hóa	186601CLC	3.33	Giỏi
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Ngữ Văn									
29	1	1866010001	Trịnh Phương Anh	Nữ	07.07.2000	Thanh Hóa	186601A	3.10	Khá
30	2	1866010002	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	13.06.2000	Thanh Hóa	186601A	3.39	Giỏi
31	3	1866010003	Lê Linh Chi	Nữ	19.11.2000	Thanh Hóa	186601A	3.43	Giỏi
32	4	1866010005	Lê Quỳnh Hương	Nữ	26.02.2000	Thanh Hóa	186601A	3.28	Giỏi
33	5	1866010006	Lê Thị Minh Khuê	Nữ	14.10.2000	Thanh Hóa	186601A	3.27	Giỏi
34	6	1866010007	Nguyễn Thị Lệ	Nữ	18.04.2000	Thanh Hóa	186601A	3.36	Giỏi
35	7	1866010009	Nguyễn Mai Linh	Nữ	13.07.2000	Thanh Hóa	186601A	3.30	Giỏi
36	8	1866010011	Bùi Phương Linh	Nữ	15.05.2000	Thanh Hóa	186601A	2.95	Khá
37	9	1866010010	Nguyễn Thị Linh	Nữ	17.03.2000	Thanh Hóa	186601A	3.00	Khá
38	10	1866010020	Tăng Minh Ngọc	Nữ	04.09.1997	TP Hải Phòng	186601A	3.44	Giỏi
39	11	1866010013	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	06.10.2000	Thanh Hóa	186601A	2.98	Khá
40	12	1866010014	Bùi Thị Thu	Nữ	08.07.2000	Thanh Hóa	186601A	3.40	Giỏi
41	13	1866010015	Nguyễn Thùy Trang	Nữ	26.09.2000	Thanh Hóa	186601A	3.29	Giỏi
42	14	1866010017	Hà Thị Tuyết	Nữ	27.01.2000	Thanh Hóa	186601A	3.20	Giỏi
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Lịch sử (Chương trình chất lượng cao)									
43	1	186602CLC01	Lương Thị Chiêu	Nữ	08.10.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.74	Xuất sắc
44	2	186602CLC02	Phạm Đình Dương	Nam	08.06.1998	Thanh Hóa	186602CLC	3.54	Giỏi
45	3	186602CLC03	Trịnh Đình Duy	Nam	02.10.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.90	Xuất sắc
46	4	186602CLC04	Lê Thị Hiền	Nữ	01.08.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.81	Xuất sắc
47	5	186602CLC05	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	13.05.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.62	Xuất sắc
48	6	186602CLC06	Lê Thị Hương Lan	Nữ	27.07.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.60	Xuất sắc
49	7	186602CLC07	Vũ Đức Nguyên	Nam	26.10.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.63	Xuất sắc
50	8	186602CLC09	Hà Thị Thủy	Nữ	21.01.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.64	Xuất sắc
51	9	186602CLC10	Phạm Thị Trang	Nữ	06.10.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.64	Xuất sắc
52	10	186602CLC12	Lê Thị Khánh Vân	Nữ	03.09.2000	Thanh Hóa	186602CLC	3.31	Giỏi

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Lịch sử										
53	1	1466020018	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	07.01.1995	Thanh Hóa	146602A	3.02	Khá
54	2	1866020001	Hà Hương	Giang	Nữ	08.03.2000	Thanh Hóa	186602A	2.92	Khá
55	3	1866020003	Phạm Thị Yên	Nhi	Nữ	12.12.2000	Thanh Hóa	186602A	3.44	Giỏi
56	4	1866020004	Hà Mai	Nhung	Nữ	19.11.2000	Thanh Hóa	186602A	3.10	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Địa Lý										
57	1	1866030003	Phạm Văn	Dũng	Nam	22.05.1999	Thanh Hóa	186603A	2.77	Khá
58	2	1866030005	Vũ Nguyễn Mai	Hương	Nữ	27.02.2000	Thanh Hóa	186603A	3.21	Giỏi
59	3	1866030007	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	04.04.2000	Vĩnh Long	186603A	3.05	Khá
60	4	1866030008	Phạm Thị	Huyền	Nữ	25.08.2000	Thanh Hóa	186603A	2.91	Khá
61	5	1866030009	Mai Kiều	Oanh	Nữ	07.11.2000	Thanh Hóa	186603A	3.12	Khá
62	6	1866030011	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	10.12.2000	Thanh Hóa	186603A	3.12	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh										
63	1	1767010062	Lê Thị	Nhung	Nữ	10.05.1999	Thanh Hóa	176701B	2.75	Khá
64	2	1867010003	Nguyễn Thị Mai	Anh	Nữ	03.03.2000	Thanh Hóa	186701A	3.04	Khá
65	3	1867010007	Lưu Thị Huyền	Diệu	Nữ	28.12.2000	Thanh Hóa	186701A	2.99	Khá
66	4	1867010008	Phùng Thùy	Dương	Nữ	07.11.2000	Thanh Hóa	186701A	3.58	Giỏi
67	5	1867010009	Nguyễn Hoàng Minh	Giang	Nam	22.12.2000	Thanh Hóa	186701A	3.75	Xuất sắc
68	6	1867010012	Nguyễn Nguyệt	Hà	Nữ	24.02.2000	Thanh Hóa	186701A	2.91	Khá
69	7	1867010014	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	15.10.2000	Thanh Hóa	186701A	2.95	Khá
70	8	1867010016	Nguyễn Thị	Hiếu	Nữ	08.10.2000	Thanh Hóa	186701A	2.64	Khá
71	9	1867010018	Ngô Thị	Hồng	Nữ	02.06.2000	Thanh Hóa	186701A	2.90	Khá
72	10	1867010019	Hoàng Đức	Hung	Nam	27.08.1999	Tuyên Quang	186701A	2.81	Khá
73	11	1867010020	Trần Thị Thanh	Huyền	Nữ	12.12.2000	Thanh Hóa	186701A	2.78	Khá
74	12	1867010026	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	14.10.2000	Thanh Hóa	186701A	3.25	Giỏi
75	13	1867010030	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	26.03.2000	Thanh Hóa	186701A	3.34	Giỏi
76	14	1867010028	Vũ Thị Diệu	Linh	Nữ	05.07.2000	Thanh Hóa	186701A	3.85	Xuất sắc
77	15	1867010031	Nguyễn Thị Chi	Mai	Nữ	30.11.2000	Thanh Hóa	186701A	2.73	Khá
78	16	1867010032	Trần Thị Ngọc	Minh	Nữ	12.06.2000	Thanh Hóa	186701A	3.14	Khá
79	17	1867010035	Lê Hà	Nhi	Nữ	01.06.2000	Thanh Hóa	186701A	2.73	Khá
80	18	1867010036	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	08.09.2000	Thanh Hóa	186701A	2.90	Khá
81	19	1867010039	Đỗ Minh	Phương	Nữ	10.09.2000	Thanh Hóa	186701A	2.89	Khá
82	20	1867010040	Trương Thị Bích	Phương	Nữ	14.08.2000	Thanh Hóa	186701A	3.02	Khá
83	21	1867010042	Phạm Thị	Quỳnh	Nữ	12.06.2000	Thanh Hóa	186701A	3.15	Khá
84	22	1867010044	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	05.02.2000	Thanh Hóa	186701A	2.84	Khá
85	23	1867010046	Trần Thị Phương	Thảo	Nữ	16.09.2000	Thanh Hóa	186701A	3.20	Giỏi
86	24	1867010051	Đoàn Quỳnh	Trang	Nữ	19.02.2000	Thanh Hóa	186701A	3.25	Giỏi
87	25	1867010055	Ngô Thị Thảo	Vân	Nữ	06.07.2000	Thanh Hóa	186701A	3.09	Khá
88	26	1867010004	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	04.01.2000	Thanh Hóa	186701B	2.93	Khá
89	27	1867010006	Trần Văn	Anh	Nữ	13.07.2000	Thanh Hóa	186701B	3.01	Khá
90	28	1867010010	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	20.09.2000	Thanh Hóa	186701B	2.99	Khá
91	29	1867010011	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	27.12.2000	Thanh Hóa	186701B	3.30	Giỏi
92	30	1867010013	Lê Thị	Hào	Nữ	09.11.2000	Thanh Hóa	186701B	2.70	Khá
93	31	1867010015	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	07.11.2000	Thanh Hóa	186701B	2.87	Khá
94	32	1867010017	Lê Thị	Hoa	Nữ	21.09.2000	Thanh Hóa	186701B	2.98	Khá
95	33	1867010021	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	02.11.2000	Thanh Hóa	186701B	3.10	Khá
96	34	1867010023	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	16.12.2000	Thanh Hóa	186701B	2.96	Khá
97	35	1867010029	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	10.04.2000	Thanh Hóa	186701B	3.15	Khá
98	36	1867010027	Phạm Thị	Linh	Nữ	20.09.2000	Thanh Hóa	186701B	2.72	Khá
99	37	1867010025	Phạm Thùy	Linh	Nữ	01.12.2000	Thanh Hóa	186701B	3.22	Giỏi
100	38	1867010034	Hà Thị Hồng	Ngọc	Nữ	10.08.2000	Thanh Hóa	186701B	2.77	Khá
101	39	1867010041	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	05.09.2000	Thanh Hóa	186701B	2.85	Khá
102	40	1867010038	Lương Thị	Phương	Nữ	19.11.2000	Thanh Hóa	186701B	2.79	Khá
103	41	1867010043	Tạ Diễm	Quỳnh	Nữ	17.06.2000	Thanh Hóa	186701B	2.64	Khá
104	42	1867010048	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	14.05.2000	Thanh Hóa	186701B	2.73	Khá
105	43	1867010049	Phạm Thị	Trâm	Nữ	10.09.2000	Thanh Hóa	186701B	2.78	Khá
106	44	1867010053	Mai Thị Huyền	Trang	Nữ	14.02.2000	Thanh Hóa	186701B	2.68	Khá
107	45	1867010050	Thiều Hà	Trang	Nữ	30.10.2000	Thanh Hóa	186701B	3.58	Giỏi
108	46	1867010056	Lê Thị Thu	Yên	Nữ	02.10.2000	Thanh Hóa	186701B	3.02	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục Tiểu học										
109	1	1569000030	Phạm Thị	Nghĩa	Nữ	12.02.1995	Thanh Hóa	196900A	2.98	Khá
110	2	1669000002	Vũ Lê Ngọc	Ánh	Nữ	16.09.1997	Thanh Hóa	166900A	2.53	Khá
111	3	1869000001	Phạm Huyền	An	Nữ	19.10.2000	Thanh Hóa	186900A	3.12	Khá
112	4	1869000002	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	18.08.2000	Thanh Hóa	186900A	2.98	Khá
113	5	1869000003	Lê Thị	Anh	Nữ	26.10.1999	Thanh Hóa	186900A	2.92	Khá
114	6	1869000004	Nguyễn Thị Lan	Chinh	Nữ	16.02.2000	Thanh Hóa	186900A	3.23	Giỏi
115	7	1869000005	Trương Thị	Chinh	Nữ	12.09.2000	Thanh Hóa	186900A	3.12	Khá
116	8	1869000006	Nguyễn Thị	Chuyên	Nữ	19.06.2000	Thanh Hóa	186900A	2.83	Khá
117	9	1569000112	Lê Thị	Dung	Nữ	13.05.1997	Thanh Hóa	186900A	2.90	Khá
118	10	1869000008	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	11.11.2000	Thanh Hóa	186900A	3.57	Giỏi
119	11	1869000009	Đinh Thị Diệu	Hằng	Nữ	29.03.2000	Thanh Hóa	186900A	2.94	Khá
120	12	1869000007	Hà Thị	Hằng	Nữ	24.04.2000	Thanh Hóa	186900A	3.10	Khá
121	13	1869000010	Cầm Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	15.04.2000	Thanh Hóa	186900A	3.21	Giỏi
122	14	1869000012	Lê Thị	Hiệp	Nữ	29.03.2000	Thanh Hóa	186900A	2.92	Khá
123	15	1869000014	Phạm Thị	Hoài	Nữ	10.09.2000	Thanh Hóa	186900A	3.34	Giỏi
124	16	1869000015	Đặng Châu	Khanh	Nữ	16.10.2000	Thanh Hóa	186900A	2.87	Khá
125	17	1869000016	Hoàng Nguyễn Thanh	Lam	Nữ	23.09.2000	Thanh Hóa	186900A	3.28	Giỏi
126	18	1869000017	Nguyễn Thị	Lê	Nữ	29.07.2000	Thanh Hóa	186900A	3.06	Khá
127	19	1869000018	Vi Thị	Lệ	Nữ	08.07.1998	Thanh Hóa	186900A	3.16	Khá
128	20	1869000020	Mai Thùy	Linh	Nữ	18.10.2000	Thanh Hóa	186900A	3.23	Giỏi
129	21	1869000019	Lê Thị	Linh	Nữ	07.09.2000	Thanh Hóa	186900A	3.18	Khá
130	22	1869000021	Hà Thị	Mơ	Nữ	16.11.2000	Thanh Hóa	186900A	3.19	Khá
131	23	1869000041	Manh	Mounphathong	Nam	14.07.1997	CHDCND Lào	186900A	2.64	Khá
132	24	1869000022	Bùi Văn	Nam	Nam	15.07.1999	Thanh Hóa	186900A	3.17	Khá
133	25	1869000023	Hứa Thị	Ngọc	Nữ	18.11.2000	Thanh Hóa	186900A	3.41	Giỏi
134	26	1869000025	Lữ Hồng	Nhung	Nữ	07.06.2000	Thanh Hóa	186900A	3.04	Khá
135	27	1869000024	Phạm Thị Trang	Nhung	Nữ	12.08.2000	Thanh Hóa	186900A	3.34	Giỏi
136	28	1869000042	Khít	Phonevilay	Nam	08.08.1997	CHDCND Lào	186900A	2.58	Khá
137	29	1869000026	Nguyễn Tài	Quang	Nam	07.10.2000	Thanh Hóa	186900A	2.57	Khá
138	30	1869000028	Lê Hương	Quỳnh	Nữ	20.11.2000	Thanh Hóa	186900A	3.07	Khá
139	31	1869000027	Phạm Thu	Quỳnh	Nữ	24.10.2000	Thanh Hóa	186900A	3.51	Giỏi
140	32	1869000030	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	22.11.2000	Thanh Hóa	186900A	3.14	Khá
141	33	1869000031	Vi Thị	Thanh	Nữ	12.02.2000	Thanh Hóa	186900A	2.76	Khá
142	34	1869000033	Nguyễn Hạnh	Thảo	Nữ	22.05.2000	Thanh Hóa	186900A	3.06	Khá
143	35	1869000032	Hà Thị	Thảo	Nữ	11.08.2000	Thanh Hóa	186900A	3.47	Giỏi
144	36	1869000044	Lô Thị	Thảo	Nữ	13.04.2000	Thanh Hóa	186900A	2.95	Khá
145	37	1869000034	Bùi Thị	Thoa	Nữ	23.03.2000	Thanh Hóa	186900A	3.75	Xuất sắc
146	38	1869000035	Bàn Thị	Thu	Nữ	24.09.1999	Thanh Hóa	186900A	3.50	Giỏi
147	39	1869000036	Đoàn Thị	Thu	Nữ	11.10.2000	Thanh Hóa	186900A	2.92	Khá
148	40	1869000037	Hà Thị	Trâm	Nữ	26.11.1998	Thanh Hóa	186900A	3.34	Giỏi
149	41	1869000038	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	24.11.2000	Thanh Hóa	186900A	3.28	Giỏi
150	42	1869000039	Lê Nguyễn Ngọc	Trinh	Nữ	01.11.2000	Thanh Hóa	186900A	3.20	Giỏi
151	43	1869000040	Trương Thị Thanh	Tú	Nữ	16.11.2000	Thanh Hóa	186900A	3.43	Giỏi
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục Mầm non										
152	1	1469010114	Hoàng Thị	Giang	Nữ	28.09.1996	Thanh Hóa	146901C	2.56	Khá
153	2	1769010242	Trịnh Thị Văn	Anh	Nữ	26.04.1999	Thanh Hóa	176901B	2.85	Khá
154	3	1769010176	Lê Thị	Anh	Nữ	30.10.1999	Thanh Hóa	176901D	2.52	Khá
155	4	1869010001	Bùi Thị Quỳnh	Anh	Nữ	10.11.2000	Thanh Hóa	186901A	2.79	Khá
156	5	1869010003	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	18.10.2000	Thanh Hóa	186901A	2.84	Khá
157	6	1869010002	Lê Thị Văn	Anh	Nữ	06.09.2000	Thanh Hóa	186901A	3.59	Giỏi
158	7	1869010005	Mai Thị	Chung	Nữ	21.09.2000	Thanh Hóa	186901A	3.07	Khá
159	8	1869010006	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	Nữ	02.09.2000	Thanh Hóa	186901A	2.85	Khá
160	9	1869010007	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	21.10.2000	Thanh Hóa	186901A	3.04	Khá
161	10	1869010008	Nguyễn Thị Ánh	Dương	Nữ	19.02.2000	Thanh Hóa	186901A	2.79	Khá
162	11	1869010009	Bùi Thị	Giang	Nữ	28.02.1999	Thanh Hóa	186901A	2.87	Khá
163	12	1869010010	Phạm Thị	Hà	Nữ	03.11.2000	Thanh Hóa	186901A	3.07	Khá
164	13	1869010011	Trần Thị	Hằng	Nữ	10.04.2000	Thanh Hóa	186901A	3.00	Khá
165	14	1869010012	Đặng Thị	Hạnh	Nữ	05.03.2000	Thanh Hóa	186901A	2.85	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
166	15	1869010013	Lò Thị	Hiền	Nữ	15.10.2000	Thanh Hóa	186901A	3.03	Khá
167	16	1869010014	Lâu Mai	Hoa	Nữ	22.07.2000	Thanh Hóa	186901A	3.05	Khá
168	17	1869010016	Lã Thị	Hoài	Nữ	28.10.2000	Thanh Hóa	186901A	2.95	Khá
169	18	1869010017	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	15.10.2000	Thanh Hóa	186901A	2.99	Khá
170	19	1869010018	Đỗ Thị Lan	Hương	Nữ	28.09.2000	Thanh Hóa	186901A	2.69	Khá
171	20	1869010019	Lê Thị	Huyền	Nữ	27.09.2000	Thanh Hóa	186901A	2.88	Khá
172	21	1869010020	Triệu Thị Thúy	Kiều	Nữ	25.05.2000	Thanh Hóa	186901A	3.02	Khá
173	22	1869010021	Đinh Thị	Liên	Nữ	14.05.2000	Thanh Hóa	186901A	3.29	Giỏi
174	23	1869010023	Đỗ Thị Thùy	Linh	Nữ	13.05.2000	Thanh Hóa	186901A	3.63	Xuất sắc
175	24	1869010025	Vũ Khánh	Linh	Nữ	14.07.1999	Thanh Hóa	186901A	3.45	Giỏi
176	25	1869010026	Nguyễn Thị	Ly	Nữ	02.09.2000	Thanh Hóa	186901A	3.28	Giỏi
177	26	1869010126	Vũ Thị	Minh	Nữ	01.03.2000	Thanh Hóa	186901A	2.96	Khá
178	27	1869010028	Lê Thị	Nga	Nữ	13.04.2000	Thanh Hóa	186901A	2.99	Khá
179	28	1869010029	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	28.02.2000	Thanh Hóa	186901A	2.85	Khá
180	29	1869010030	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	13.10.2000	Thanh Hóa	186901A	3.03	Khá
181	30	1869010031	Bùi thị	Oanh	Nữ	20.04.1999	Thanh Hóa	186901A	3.33	Giỏi
182	31	1869010032	Tổng Thị	Phương	Nữ	26.07.1999	Thanh Hóa	186901A	3.29	Giỏi
183	32	1869010033	Phạm Thị	Quyên	Nữ	22.09.2000	Thanh Hóa	186901A	2.98	Khá
184	33	1769010102	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	26.10.1999	Thanh Hóa	186901A	2.72	Khá
185	34	1869010034	Phạm Thị	Sen	Nữ	02.10.2000	Thanh Hóa	186901A	2.90	Khá
186	35	1869010035	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	04.10.2000	Thanh Hóa	186901A	3.15	Khá
187	36	1869010036	Nguyễn Thị	Thảo	Nữ	19.08.2000	Thanh Hóa	186901A	3.03	Khá
188	37	1869010048	Nguyễn Thị	Thảo Vân	Nữ	12.07.2000	Thanh Hóa	186901A	2.81	Khá
189	38	1869010038	Vi Thị	Thu	Nữ	05.06.2000	Thanh Hóa	186901A	2.90	Khá
190	39	1869010039	Lê Thị	Thúy	Nữ	20.05.2000	Thanh Hóa	186901A	2.72	Khá
191	40	1869010041	Lương Thị	Tinh	Nữ	02.09.2000	Thanh Hóa	186901A	2.65	Khá
192	41	1869010043	Hồ Thị	Trang	Nữ	13.07.2000	Thanh Hóa	186901A	2.96	Khá
193	42	1869010045	Lê Thị Minh	Trang	Nữ	25.12.2000	Thanh Hóa	186901A	2.96	Khá
194	43	1869010042	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	20.11.2000	Thanh Hóa	186901A	2.98	Khá
195	44	1869010046	Lò Thị	Tươi	Nữ	19.10.2000	Thanh Hóa	186901A	3.38	Giỏi
196	45	1869010049	Phạm Thị	Xuân	Nữ	16.06.2000	Thanh Hóa	186901A	2.83	Khá
197	46	1869010051	Đinh Thị Mai	Anh	Nữ	10.11.2000	Thanh Hóa	186901B	3.51	Giỏi
198	47	1869010052	Lê Thị Lan	Anh	Nữ	10.11.2000	Thanh Hóa	186901B	3.10	Khá
199	48	1869010054	Đỗ Thị	Châm	Nữ	29.09.2000	Thanh Hóa	186901B	2.92	Khá
200	49	1869010056	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	15.12.2000	Thanh Hóa	186901B	2.83	Khá
201	50	1869010057	Lê Thị	Dương	Nữ	11.07.2000	Thanh Hóa	186901B	3.33	Giỏi
202	51	1869010058	Bùi Thị Kim	Duyên	Nữ	30.03.2000	Thanh Hóa	186901B	2.95	Khá
203	52	1869010061	Vi Thị Hồng	Hạnh	Nữ	22.09.2000	Thanh Hóa	186901B	3.01	Khá
204	53	1869010063	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	27.03.2000	Thanh Hóa	186901B	2.93	Khá
205	54	1869010065	Phạm Thị	Hòa	Nữ	30.08.2000	Thanh Hóa	186901B	3.23	Giỏi
206	55	1869010066	Kim Thị	Hồng	Nữ	10.05.2000	Thanh Hóa	186901B	2.94	Khá
207	56	1869010067	Lê Thị	Hương	Nữ	23.12.2000	Thanh Hóa	186901B	3.27	Giỏi
208	57	1869010069	Nguyễn Thu	Huyền	Nữ	16.09.2000	Thanh Hóa	186901B	3.35	Giỏi
209	58	1869010119	Lê Thị	Lan	Nữ	02.11.2000	Thanh Hóa	186901B	3.10	Khá
210	59	1769010082	Cao Thị Hồng	Liên	Nữ	06.12.1999	Thanh Hóa	186901B	2.90	Khá
211	60	1869010071	Bùi Thị	Linh	Nữ	22.12.2000	Thanh Hóa	186901B	3.10	Khá
212	61	1869010072	Trương Thị	Linh	Nữ	02.09.2000	Thanh Hóa	186901B	3.18	Khá
213	62	1869010073	Ngô Thị	Loan	Nữ	10.07.1999	Thanh Hóa	186901B	3.09	Khá
214	63	1869010074	Phạm Thị	Ly	Nữ	20.11.2000	Thanh Hóa	186901B	2.83	Khá
215	64	1869010075	Phạm Thúy	Mai	Nữ	26.09.1999	Thanh Hóa	186901B	2.92	Khá
216	65	1869010076	Mai Thị	My	Nữ	08.07.2000	Thanh Hóa	186901B	2.90	Khá
217	66	1869010077	Lê Thị	Nga	Nữ	22.01.2000	Thanh Hóa	186901B	2.81	Khá
218	67	1869010078	Lộc Thị	Nhi	Nữ	20.04.2000	Thanh Hóa	186901B	3.18	Khá
219	68	1869010079	Hoàng Thị Hồng	Nhung	Nữ	10.06.2000	Thanh Hóa	186901B	3.08	Khá
220	69	1869010080	Trương Thị Kiều	Oanh	Nữ	12.06.2000	Thanh Hóa	186901B	3.58	Giỏi
221	70	1869010082	Trương Thị	Quỳnh	Nữ	13.04.2000	Thanh Hóa	186901B	2.96	Khá
222	71	1869010083	Lê Thị Thanh	Tâm	Nữ	18.07.2000	Thanh Hóa	186901B	2.80	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
223	72	1869010085	Lê Thị Phương Thảo	Nữ	10.10.2000	Thanh Hóa	186901B	3.57	Giỏi
224	73	1869010149	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	18.06.2000	Thanh Hóa	186901B	2.89	Khá
225	74	1869010086	Ngân Thị Thoa	Nữ	06.03.2000	Thanh Hóa	186901B	2.80	Khá
226	75	1869010087	Lê Thị Thư	Nữ	14.02.2000	Thanh Hóa	186901B	3.22	Giỏi
227	76	1869010088	Phan Thị Thùy	Nữ	31.12.2000	Thanh Hóa	186901B	3.15	Khá
228	77	1869010089	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	10.01.2000	Thanh Hóa	186901B	2.63	Khá
229	78	1869010092	Cao Thị Kim Trang	Nữ	17.03.2000	Thanh Hóa	186901B	3.06	Khá
230	79	1869010091	Lê Huyền Trang	Nữ	01.04.2000	Thanh Hóa	186901B	3.08	Khá
231	80	1869010090	Lê Thị Trang	Nữ	19.06.2000	Thanh Hóa	186901B	2.87	Khá
232	81	1869010094	Lê Thị Huyền Trang	Nữ	19.01.2000	Thanh Hóa	186901B	2.80	Khá
233	82	1869010093	Nguyễn Minh Trang	Nữ	20.11.2000	Thanh Hóa	186901B	3.09	Khá
234	83	1869010095	Đỗ Thị Thu Uyên	Nữ	07.07.2000	Thanh Hóa	186901B	3.48	Giỏi
235	84	1869010097	Nguyễn Thị Vân	Nữ	08.02.2000	Thanh Hóa	186901B	3.14	Khá
236	85	1869010096	Đinh Thị Vân	Nữ	02.09.2000	Thanh Hóa	186901B	3.10	Khá
237	86	1869010098	Văn Hải Yến	Nữ	22.07.2000	Thanh Hóa	186901B	2.98	Khá
238	87	1869010053	Bùi Thị Anh	Nữ	16.07.1999	Thanh Hóa	186901C	2.84	Khá
239	88	1869010102	Lê Thị Phương Anh	Nữ	19.05.2000	Thanh Hóa	186901C	3.00	Khá
240	89	1869010100	Nguyễn Thị Kiều Anh	Nữ	04.11.2000	Thanh Hóa	186901C	2.64	Khá
241	90	1869010101	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Nữ	08.01.2000	Thanh Hóa	186901C	2.87	Khá
242	91	1869010104	Đỗ Thị Cúc	Nữ	26.07.2000	Thanh Hóa	186901C	3.04	Khá
243	92	1869010105	Nguyễn Thị Dung	Nữ	24.06.2000	Thanh Hóa	186901C	3.38	Giỏi
244	93	1869010106	Nguyễn Thị Duyên	Nữ	10.10.2000	Thanh Hóa	186901C	2.80	Khá
245	94	1869010108	Lê Thị Hương Giang	Nữ	17.08.2000	Thanh Hóa	186901C	3.16	Khá
246	95	1869010110	Trịnh Thị Hạnh	Nữ	02.05.2000	Thanh Hóa	186901C	3.28	Giỏi
247	96	1869010112	Trần Thị Hiền	Nữ	21.01.2000	Thanh Hóa	186901C	2.91	Khá
248	97	1869010111	Vũ Thị Hiền	Nữ	04.06.2000	Thanh Hóa	186901C	2.92	Khá
249	98	1869010113	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	18.12.2000	Thanh Hóa	186901C	3.38	Giỏi
250	99	1869010114	Tổng Thị Hòa	Nữ	15.11.2000	Thanh Hóa	186901C	3.31	Giỏi
251	100	1869010115	Phạm Thị Huệ	Nữ	11.08.2000	Thanh Hóa	186901C	2.80	Khá
252	101	1869010116	Hà Thị Thu Hương	Nữ	18.09.2000	Thanh Hóa	186901C	3.17	Khá
253	102	1869010117	Hoàng Khánh Huyền	Nữ	05.09.2000	Thanh Hóa	186901C	3.28	Giỏi
254	103	1869010118	Phạm Thu Huyền	Nữ	05.10.2000	Thanh Hóa	186901C	3.23	Giỏi
255	104	1869010140	Lộc Thị Huyền Trang	Nữ	13.09.2000	Thanh Hóa	186901C	2.63	Khá
256	105	1869010120	Lương Thị Liêm	Nữ	01.11.2000	Thanh Hóa	186901C	2.98	Khá
257	106	1869010122	Hoàng Thị Linh	Nữ	20.10.1998	Thanh Hóa	186901C	3.63	Xuất sắc
258	107	1869010121	Lê Thị Thùy Linh	Nữ	08.06.2000	Thanh Hóa	186901C	2.98	Khá
259	108	1869010123	Hồ Thị Minh Lương	Nữ	02.11.1999	Thanh Hóa	186901C	2.96	Khá
260	109	1869010124	Phạm Thị Hồng Lý	Nữ	10.09.2000	Thanh Hóa	186901C	3.33	Giỏi
261	110	1869010125	Trịnh Thị Trà Mí	Nữ	30.10.2000	Thanh Hóa	186901C	3.21	Giỏi
262	111	1869010127	Vì Thị Mỹ	Nữ	05.01.2000	Thanh Hóa	186901C	3.05	Khá
263	112	1869010128	Lê Thị Ngọc	Nữ	15.10.2000	Đắk Lắk	186901C	3.16	Khá
264	113	1869010129	Lê Thị Nhung	Nữ	24.06.2000	Thanh Hóa	186901C	3.05	Khá
265	114	1869010130	Lê Thị Oanh	Nữ	03.12.2000	Thanh Hóa	186901C	3.23	Giỏi
266	115	1869010131	Nguyễn Linh Phương	Nữ	04.10.2000	Thanh Hóa	186901C	2.86	Khá
267	116	1869010132	Lê Thị Phương	Nữ	24.08.2000	Thanh Hóa	186901C	3.06	Khá
268	117	1869010133	Triệu Thị Tâm	Nữ	04.09.1999	Thanh Hóa	186901C	2.93	Khá
269	118	1869010135	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	28.10.2000	Thanh Hóa	186901C	3.20	Giỏi
270	119	1869010136	Phạm Thị Thơm	Nữ	09.08.2000	Thanh Hóa	186901C	3.15	Khá
271	120	1869010138	Phạm Thu Thủy	Nữ	28.04.2000	Thanh Hóa	186901C	3.10	Khá
272	121	1869010143	Nguyễn Thị Trang	Nữ	26.03.2000	Thanh Hóa	186901C	3.21	Giỏi
273	122	1869010141	Phạm Thị Trang	Nữ	12.10.2000	Thanh Hóa	186901C	3.08	Khá
274	123	1869010044	Phạm Thị Huyền Trang	Nữ	07.10.2000	Thanh Hóa	186901C	3.20	Giỏi
275	124	1869010145	Hàn Thị Tuyền	Nữ	11.08.2000	Thanh Hóa	186901C	3.46	Giỏi
276	125	1869010146	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	26.03.2000	Thanh Hóa	186901C	2.89	Khá
277	126	1869010147	Mai Thị Thanh Xuân	Nữ	26.08.2000	Thanh Hóa	186901C	2.83	Khá
278	127	1869010148	Lữ Thị Yến	Nữ	19.02.2000	Thanh Hóa	186901C	2.82	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục thể chất										
279	1	1769020007	Hoàng Minh	Hiếu	Nam	26.10.1999	Thanh Hóa	186902A	2.97	Khá
280	2	1869020009	Hoàng Minh	Thắng	Nam	04.09.2000	Thanh Hóa	186902A	3.09	Khá
281	3	1869020011	Hồ Hữu	Tiến	Nam	20.03.1993	Thanh Hóa	186902A	3.11	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Công nghệ thông tin										
282	1	1861030001	Hoàng Thị Lan	Anh	Nữ	20.12.2000	Thanh Hóa	186103A	2.94	Khá
283	2	1861030002	Nguyễn Quang	Anh	Nam	16.01.2000	Thanh Hóa	186103A	3.15	Khá
284	3	1861030003	Trịnh Đức	Bằng	Nam	19.05.2000	Thanh Hóa	186103A	2.96	Khá
285	4	1861030004	Ngô Tiến	Dũng	Nam	02.08.2000	Thanh Hóa	186103A	2.79	Khá
286	5	1861030005	Đào Duy	Dương	Nam	28.09.2000	Thanh Hóa	186103A	3.28	Giỏi
287	6	1861030006	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	22.12.2000	Thanh Hóa	186103A	3.30	Giỏi
288	7	1861030008	Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	20.09.2000	Thanh Hóa	186103A	3.37	Giỏi
289	8	1861030007	Phạm Văn	Hải	Nam	02.03.2000	Thanh Hóa	186103A	2.86	Khá
290	9	1861030009	Lê Xuân	Hòa	Nam	01.01.1999	Thanh Hóa	186103A	2.90	Khá
291	10	1861030010	Nguyễn Ngọc	Hung	Nam	22.08.2000	Thanh Hóa	186103A	3.13	Khá
292	11	1861030011	Lê Duy	Khánh	Nam	28.10.1994	Thanh Hóa	186103A	3.23	Giỏi
293	12	1861030013	Lê Sỹ Nhật	Linh	Nam	19.04.1997	Thanh Hóa	186103A	2.91	Khá
294	13	1861030015	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	12.11.2000	Thanh Hóa	186103A	3.90	Xuất sắc
295	14	1861030014	Phạm Hữu	Long	Nam	23.06.2000	Thanh Hóa	186103A	2.88	Khá
296	15	1861030016	Nguyễn Văn	Minh	Nam	05.03.1998	Thanh Hóa	186103A	2.98	Khá
297	16	1861030017	Nguyễn Hữu	Nhân	Nam	19.02.1998	Thanh Hóa	186103A	3.59	Giỏi
298	17	1861030018	Nguyễn Duy	Thắng	Nam	10.04.2000	Thanh Hóa	186103A	3.43	Giỏi
299	18	1861030019	Trịnh Quang	Trung	Nam	18.04.2000	Thanh Hóa	186103A	2.91	Khá
300	19	1861030024	Lê Công Đức	Anh	Nam	16.12.2000	Thanh Hóa	186103B	2.72	Khá
301	20	1861030022	Trịnh Việt	Anh	Nam	22.06.1998	Thanh Hóa	186103B	2.70	Khá
302	21	1861030025	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	10.08.1996	Thanh Hóa	186103B	2.78	Khá
303	22	1861030072	Toula	Bounnasin	Nữ	20.10.2000	CHDCND Lào	186103B	2.38	Trung bình
304	23	1861030030	Trịnh Văn	Đức	Nam	05.06.2000	Thanh Hóa	186103B	2.43	Trung bình
305	24	1861030034	Lưu Trung	Hiếu	Nam	04.04.2000	Thanh Hóa	186103B	2.70	Khá
306	25	1861030035	Phạm Thị Kim	Hoa	Nữ	02.08.1999	Thanh Hóa	186103B	2.68	Khá
307	26	1861030037	Chung Văn	Hòa	Nam	10.01.2000	Thanh Hóa	186103B	3.00	Khá
308	27	1861030038	Trương Việt	Hoàng	Nam	09.02.2000	Thanh Hóa	186103B	3.11	Khá
309	28	1861030070	Xiengsinthone	Inthavong	Nam	17.02.1995	CHDCND Lào	186103B	2.32	Trung bình
310	29	1861030042	Nguyễn Đăng	Khanh	Nam	12.05.1998	Thanh Hóa	186103B	2.64	Khá
311	30	1861030045	Mai Thị	Linh	Nữ	20.08.2000	Thanh Hóa	186103B	2.81	Khá
312	31	1861030047	Nguyễn Thành	Luân	Nam	31.01.2000	Thanh Hóa	186103B	2.48	Trung bình
313	32	1861030048	Trần Công	Mạnh	Nam	12.08.2000	Thanh Hóa	186103B	2.63	Khá
314	33	1861030050	Nguyễn Hữu	Nam	Nam	28.07.2000	Thanh Hóa	186103B	2.38	Trung bình
315	34	1861030052	Vì Văn	Nghiêm	Nam	20.06.1997	Thanh Hóa	186103B	2.58	Khá
316	35	1861030053	Lê Thị	Nhung	Nữ	11.01.1999	Thanh Hóa	186103B	3.38	Giỏi
317	36	1861030069	Maimon	Phengphimhuk	Nam	06.04.1998	CHDCND Lào	186103B	2.31	Trung bình
318	37	1861030073	Phankham	Sisouvanh	Nam	23.03.1997	CHDCND Lào	186103B	2.40	Trung bình
319	38	1861030067	Ounseng	Thammavong	Nữ	19.09.1998	CHDCND Lào	186103B	2.49	Trung bình
320	39	1861030062	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	02.11.2000	Thanh Hóa	186103B	2.68	Khá
321	40	1861030065	Lê Ngọc	Vinh	Nam	20.11.2000	Thanh Hóa	186103B	3.32	Giỏi
322	41	1861030071	Toula	Vithongxai	Nữ	24.09.2000	CHDCND Lào	186103B	2.18	Trung bình
323	42	1861030068	Sonkham	Volanith	Nam	15.04.1998	CHDCND Lào	186103B	2.32	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Địa lý học										
324	1	1466070058	Lê Thị	Lan	Nữ	28.08.1995	Thanh Hóa	146607A	2.33	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Du lịch										
325	1	1869080026	Chikko	Achina	Nam	08.06.1999	CHDCND Lào	186908A	2.67	Khá
326	2	1869080002	Bùi Thị Phương	Anh	Nữ	26.02.2000	Thanh Hóa	186908A	2.96	Khá
327	3	1869080005	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	12.02.2000	Thanh Hóa	186908A	3.05	Khá
328	4	1869080001	Phạm Ngọc	Anh	Nữ	04.01.2000	Thanh Hóa	186908A	2.84	Khá
329	5	1869080028	Trịnh Tiến	Anh	Nam	08.09.1997	Thanh Hóa	186908A	3.21	Giỏi
330	6	1869080004	Trương Quốc	Anh	Nam	14.03.2000	Thanh Hóa	186908A	2.59	Khá
331	7	1869080006	Đình Văn	Châu	Nam	22.02.2000	Thanh Hóa	186908A	2.78	Khá
332	8	1869080008	Lê Như	Đạt	Nam	10.05.2000	Thanh Hóa	186908A	2.44	Trung bình
333	9	1869080011	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	30.10.2000	Thanh Hóa	186908A	2.83	Khá
334	10	1869080027	Hà Văn	Khánh	Nam	26.01.2000	Thanh Hóa	186908A	2.85	Khá
335	11	1869080015	Lê Hương	Ly	Nữ	25.01.2000	Thanh Hóa	186908A	3.07	Khá
336	12	1869080016	Lê Minh	Nhật	Nam	19.05.2000	Thanh Hóa	186908A	2.87	Khá
337	13	1869080018	Lê Thị Phương	Quỳnh	Nữ	02.02.2000	Thanh Hóa	186908A	3.12	Khá
338	14	1869080021	Nguyễn Huyền	Thương	Nữ	01.01.2000	Thanh Hóa	186908A	3.12	Khá
339	15	1869080024	Lô Văn	Tuyển	Nam	18.08.1996	Thanh Hóa	186908A	2.88	Khá
340	16	1869080025	Lê Thị	Vân	Nữ	25.09.2000	Thanh Hóa	186908A	3.07	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường										
341	1	1769070005	Dương Ngọc	Hung	Nam	24.11.1999	Thanh Hóa	176907A	2.14	Trung bình
342	2	1869070001	Nguyễn Đức	Bình	Nam	30.04.2000	Thanh Hóa	186907A	2.44	Trung bình
343	3	1869070002	Nguyễn Trung	Đức	Nam	01.08.2000	Thanh Hóa	186907A	2.93	Khá
344	4	1869070005	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	22.04.2000	Thanh Hóa	186907A	2.80	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Việt Nam học										
345	1	1866060001	Vũ Thị	Duyên	Nữ	18.04.1999	Thanh Hóa	186606A	3.70	Xuất sắc
346	2	1866060002	Cao Hoàng	Gia	Nam	14.11.2000	Thanh Hóa	186606A	2.81	Khá
347	3	1866060004	La Thị Ánh	Hồng	Nữ	27.06.2000	Thanh Hóa	186606A	2.57	Khá
348	4	1866060008	Hà Thị	Nga	Nữ	10.05.2000	Thanh Hóa	186606A	2.89	Khá
349	5	1866060009	Đoàn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	25.01.2000	Thanh Hóa	186606A	2.97	Khá
350	6	1866060010	Hà Thu	Nhân	Nữ	17.05.2000	Thanh Hóa	186606A	2.75	Khá
351	7	1866060021	Lê Thị	Nhung	Nữ	12.01.2000	Thanh Hóa	186606A	2.85	Khá
352	8	1866060011	Lê Thanh Vinh	Phúc	Nữ	19.03.1999	Thanh Hóa	186606A	2.73	Khá
353	9	1866060012	Quách Công	Thăng	Nam	20.06.2000	Thanh Hóa	186606A	2.87	Khá
354	10	1866060013	Lê Thị	Thanh	Nữ	17.01.2000	Thanh Hóa	186606A	2.87	Khá
355	11	1866060015	Lê Hoài	Thu	Nữ	03.07.2000	Thanh Hóa	186606A	2.96	Khá
356	12	1866060017	Lương Thị Thanh	Thùy	Nữ	11.10.2000	Thanh Hóa	186606A	3.01	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Kế toán										
357	1	1664010117	Lê Thị Hương	Thảo	Nữ	04.03.1998	Thanh Hóa	166401B	2.51	Khá
358	2	1764010015	Ngô Thị	Hà	Nữ	20.07.1999	Thanh Hóa	176401A	2.48	Trung bình
359	3	1764010080	Hoàng Châu	Giang	Nữ	04.12.1999	Thanh Hóa	176401B	2.56	Khá
360	4	1864010001	Đào Đức	Anh	Nam	02.12.2000	Thanh Hóa	186401A	2.41	Trung bình
361	5	1764010008	Lê Hoài	Anh	Nữ	19.07.1999	Thanh Hóa	186401A	2.55	Khá
362	6	1864010004	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	02.10.2000	Thanh Hóa	186401A	2.69	Khá
363	7	1864010003	Trần Việt	Anh	Nam	17.11.2000	Thanh Hóa	186401A	2.81	Khá
364	8	1864010005	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	02.04.2000	Thanh Hóa	186401A	3.13	Khá
365	9	1864010007	Lê Thị	Diệu	Nữ	11.02.2000	Thanh Hóa	186401A	2.94	Khá
366	10	1864010009	Phạm Thị	Dung	Nữ	15.09.2000	Thanh Hóa	186401A	2.91	Khá
367	11	1864010008	Trịnh Thùy	Dung	Nữ	10.08.2000	Thanh Hóa	186401A	3.01	Khá
368	12	1864010010	Phạm Thị	Hà	Nữ	15.02.2000	Thanh Hóa	186401A	2.56	Khá
369	13	1864010011	Đỗ Thị	Hằng	Nữ	09.12.2000	Thanh Hóa	186401A	2.52	Khá
370	14	1864010012	Ngô Thúy	Hiền	Nữ	24.11.2000	Thanh Hóa	186401A	2.65	Khá
371	15	1864010015	Thiều Thị	Huế	Nữ	12.06.2000	Thanh Hóa	186401A	2.87	Khá
372	16	1864010016	Nguyễn Ngọc	Huy	Nam	13.06.2000	Thanh Hóa	186401A	2.66	Khá
373	17	1864010017	Phạm Thanh	Huyền	Nữ	30.10.2000	Thanh Hóa	186401A	2.92	Khá
374	18	1864010018	Nguyễn Thị Thúy	Lan	Nữ	11.11.1999	Thanh Hóa	186401A	2.69	Khá
375	19	1864010021	Tổng Khánh	Linh	Nữ	04.06.2000	Thanh Hóa	186401A	2.79	Khá
376	20	1864010020	Vũ Thị	Linh	Nữ	20.01.2000	Thanh Hóa	186401A	2.59	Khá
377	21	1864010023	Lê Thị Chi	Mai	Nữ	22.08.2000	Thanh Hóa	186401A	2.70	Khá
378	22	1864010024	Phạm Diệu	Minh	Nữ	19.01.2000	Thanh Hóa	186401A	2.75	Khá
379	23	1864010025	Hà Thị	Nga	Nữ	01.05.2000	Thanh Hóa	186401A	2.73	Khá
380	24	1864010026	Nguyễn Thị Phương	Nguyệt	Nữ	22.10.2000	Thanh Hóa	186401A	2.65	Khá
381	25	1864010027	Nguyễn Thùy	Nhung	Nữ	05.01.2000	Thanh Hóa	186401A	3.46	Giỏi
382	26	1864010028	Phan Thị Kim	Nhung	Nữ	07.01.2000	Thanh Hóa	186401A	3.05	Khá
383	27	1864010029	Nguyễn Thị	Oanh	Nữ	03.08.2000	Thanh Hóa	186401A	2.55	Khá
384	28	1864010031	Vũ Thị Kim	Phượng	Nữ	14.12.2000	Thanh Hóa	186401A	2.72	Khá
385	29	1864010033	Lâm Thị	Quỳnh	Nữ	10.10.2000	Thanh Hóa	186401A	2.53	Khá
386	30	1864010032	Phan Lê Như	Quỳnh	Nữ	05.06.2000	Thanh Hóa	186401A	2.57	Khá
387	31	1864010034	Đỗ Ngọc	Thái	Nam	19.10.2000	Thanh Hóa	186401A	2.59	Khá
388	32	1864010035	Cao Thị Hồng	Thắm	Nữ	08.02.2000	Thanh Hóa	186401A	2.80	Khá
389	33	1864010036	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	18.11.2000	Thanh Hóa	186401A	2.76	Khá
390	34	1864010037	Thiều Thị	Thảo	Nữ	01.09.2000	Thanh Hóa	186401A	3.14	Khá
391	35	1864010038	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	24.07.2000	Thanh Hóa	186401A	2.74	Khá
392	36	1864010039	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	14.09.2000	Thanh Hóa	186401A	3.10	Khá
393	37	1864010040	Phạm Thị Quỳnh	Thu	Nữ	29.09.2000	Thanh Hóa	186401A	3.32	Giỏi
394	38	1864010041	Trịnh Thị	Thương	Nữ	08.10.2000	Thanh Hóa	186401A	2.58	Khá
395	39	1864010044	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	13.06.2000	Thanh Hóa	186401A	2.53	Khá
396	40	1864010043	Nguyễn Thị Phương	Thúy	Nữ	25.07.2000	Thanh Hóa	186401A	3.75	Xuất sắc
397	41	1864010045	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	25.09.2000	Thanh Hóa	186401A	2.96	Khá
398	42	1864010046	Nguyễn Mạnh	Tiến	Nam	07.02.2000	Thanh Hóa	186401A	2.60	Khá
399	43	1864010047	Phạm Thị	Trang	Nữ	10.08.2000	Thanh Hóa	186401A	2.72	Khá
400	44	1864010048	Phùng Thị	Trang	Nữ	25.05.2000	Thanh Hóa	186401A	2.91	Khá
401	45	1864010049	Vũ Thị Thu	Trang	Nữ	01.09.2000	Thanh Hóa	186401A	3.44	Giỏi
402	46	1864010050	Nguyễn Thị Lan	Tường	Nữ	20.12.1999	Thanh Hóa	186401A	2.43	Trung bình
403	47	1864010052	Vũ Hà	Vy	Nữ	01.01.2000	Thanh Hóa	186401A	2.98	Khá
404	48	1864010053	Đỗ Ngọc	Anh	Nữ	30.09.2000	Thanh Hóa	186401B	2.67	Khá
405	49	1864010058	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	28.09.2000	Thanh Hóa	186401B	3.06	Khá
406	50	1864010057	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	02.04.2000	Thanh Hóa	186401B	3.29	Giỏi
407	51	1864010054	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	17.08.2000	Thanh Hóa	186401B	3.10	Khá
408	52	1864010059	Mai Thị Ngọc	Ánh	Nữ	13.11.2000	Thanh Hóa	186401B	2.50	Khá
409	53	1864010060	Trần Thị Hồng	Chi	Nữ	11.09.2000	Thanh Hóa	186401B	3.23	Giỏi

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
410	54	1864010061	Đỗ Thị Dung	Nữ	23.09.2000	Thanh Hóa	186401B	2.80	Khá
411	55	1864010063	Nguyễn Thị Hà	Nữ	15.10.2000	Thanh Hóa	186401B	2.77	Khá
412	56	1864010064	Phạm Thị Thủy	Nữ	24.12.2000	Thanh Hóa	186401B	2.98	Khá
413	57	1864010065	Lê Thị Hân	Nữ	31.08.2000	Thanh Hóa	186401B	3.15	Khá
414	58	1864010067	Đỗ Thị Hằng	Nữ	09.07.2000	Thanh Hóa	186401B	2.97	Khá
415	59	1864010066	Lê Thị Hằng	Nữ	03.07.2000	Thanh Hóa	186401B	3.33	Giỏi
416	60	1864010069	Nguyễn Thị Thu	Nữ	12.10.2000	Thanh Hóa	186401B	3.24	Giỏi
417	61	1864010071	Lê Thị Hiếu	Nữ	13.09.2000	Thanh Hóa	186401B	3.10	Khá
418	62	1864010072	Lê Huy Hùng	Nam	16.12.2000	Thanh Hóa	186401B	2.53	Khá
419	63	1864010074	Khương Thị Huyền	Nữ	13.09.2000	Thanh Hóa	186401B	2.80	Khá
420	64	1864010075	Lê Thị Khánh	Nữ	11.07.2000	Thanh Hóa	186401B	2.54	Khá
421	65	1864010076	Bùi Thị Khuyển	Nữ	30.05.2000	Thanh Hóa	186401B	2.86	Khá
422	66	1864010077	Trần Thị Khánh	Nữ	06.08.2000	Thanh Hóa	186401B	2.83	Khá
423	67	1864010078	Vũ Thị Khánh	Nữ	16.05.2000	Thanh Hóa	186401B	2.98	Khá
424	68	1864010079	Nguyễn Thị Mến	Nữ	25.07.2000	Thanh Hóa	186401B	3.40	Giỏi
425	69	1864010080	Lê Thị Thủy	Nữ	18.03.2000	Thanh Hóa	186401B	3.38	Giỏi
426	70	1864010081	Nguyễn Thị Nga	Nữ	04.07.2000	Thanh Hóa	186401B	2.89	Khá
427	71	1864010083	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	03.08.2000	Thanh Hóa	186401B	2.43	Trung bình
428	72	1864010084	Trần Thị Như	Nữ	10.10.2000	Thanh Hóa	186401B	2.54	Khá
429	73	1864010085	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	19.07.2000	Thanh Hóa	186401B	2.73	Khá
430	74	1864010088	Lê Thị Từ Quyên	Nữ	01.01.2000	Thanh Hóa	186401B	2.57	Khá
431	75	1864010089	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	Nữ	23.12.2000	Thanh Hóa	186401B	2.68	Khá
432	76	1864010090	Đinh Thị Thảo	Nữ	16.01.2000	Thanh Hóa	186401B	2.58	Khá
433	77	1864010093	Lê Thị Thủy	Nữ	22.02.2000	Thanh Hóa	186401B	2.94	Khá
434	78	1864010096	Lê Thị Trang	Nữ	26.03.2000	Thanh Hóa	186401B	2.70	Khá
435	79	1864010095	Lê Thị Thu Trang	Nữ	27.08.2000	Thanh Hóa	186401B	2.48	Trung bình
436	80	1864010098	Vũ Huyền Trang	Nữ	20.03.2000	Thanh Hóa	186401B	2.48	Trung bình
437	81	1864010099	Hoàng Văn Tùng	Nam	01.09.2000	Thanh Hóa	186401B	2.51	Khá
438	82	1864010100	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	26.11.2000	Thanh Hóa	186401B	2.76	Khá
439	83	1864010101	Nguyễn Thị Thảo Vân	Nữ	01.02.2000	Thanh Hóa	186401B	2.76	Khá
440	84	1864010055	Nguyễn Thị Văn Anh	Nữ	01.10.2000	Thanh Hóa	186401B	2.62	Khá
441	85	1864010102	Lê Thị Xuân	Nữ	10.04.2000	Thanh Hóa	186401B	2.93	Khá
442	86	1864010103	Lê Thị Yến	Nữ	08.12.2000	Thanh Hóa	186401B	2.62	Khá
443	87	1864010110	Bùi Thị Anh	Nữ	02.08.2000	Thanh Hóa	186401C	2.67	Khá
444	88	1864010109	Lê Võ Mai Anh	Nữ	24.11.2000	Thanh Hóa	186401C	2.47	Trung bình
445	89	1864010160	Nguyễn Ngọc Anh	Nữ	13.12.1999	Thanh Hóa	186401C	2.85	Khá
446	90	1864010104	Nguyễn Phương Anh	Nữ	03.11.2000	Thừa Thiên-Huế	186401C	2.58	Khá
447	91	1864010108	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Nữ	31.08.2000	Thanh Hóa	186401C	2.88	Khá
448	92	1864010154	Nim Boudsipaeng	Nữ	13.07.1998	CHDCND Lào	186401C	2.65	Khá
449	93	1864010113	Nguyễn Minh Châu	Nữ	01.01.2000	Thanh Hóa	186401C	3.09	Khá
450	94	1864010115	Đinh Thủy Diệu	Nữ	12.09.1999	Thanh Hóa	186401C	2.97	Khá
451	95	1864010117	Phạm Văn Dũng	Nam	06.07.2000	Thanh Hóa	186401C	2.81	Khá
452	96	1864010118	Hoàng Thị Hà	Nữ	27.02.2000	Thanh Hóa	186401C	3.09	Khá
453	97	1864010120	Lương Thị Thu Hiền	Nữ	14.08.2000	Thanh Hóa	186401C	2.78	Khá
454	98	1864010121	Lê Thị Hoa	Nữ	22.03.2000	Thanh Hóa	186401C	3.29	Giỏi
455	99	1864010122	Đỗ Thị Huệ	Nữ	14.07.2000	Thanh Hóa	186401C	2.44	Trung bình
456	100	1864010123	Hoàng Thị Hương	Nữ	14.06.2000	Thanh Hóa	186401C	3.38	Giỏi
457	101	1864010125	Nguyễn Thị Kim Liên	Nữ	12.08.2000	Thanh Hóa	186401C	3.43	Giỏi
458	102	1864010128	Nguyễn Thị Luận	Nữ	01.07.2000	Thanh Hóa	186401C	3.47	Giỏi
459	103	1864010129	Nguyễn Thị Ly	Nữ	22.04.2000	Thanh Hóa	186401C	2.53	Khá
460	104	1864010130	Nguyễn Thị Từ Ly	Nữ	20.03.2000	Thanh Hóa	186401C	2.99	Khá
461	105	1864010133	Nguyễn Thị Trà My	Nữ	18.05.2000	Thanh Hóa	186401C	2.50	Khá
462	106	1864010135	Ngô Thị Minh Phương	Nữ	26.09.2000	Thanh Hóa	186401C	2.53	Khá
463	107	1864010155	Phạm Thị Phương	Nam	29.07.2000	Thanh Hóa	186401C	2.72	Khá
464	108	1864010137	Trịnh Phương Quỳnh	Nữ	24.11.2000	Thanh Hóa	186401C	2.59	Khá
465	109	1864010152	Timala Thammavong	Nữ	08.02.1999	CHDCND Lào	186401C	2.63	Khá
466	110	1864010139	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	27.12.2000	Thanh Hóa	186401C	2.76	Khá
467	111	1864010140	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	19.12.2000	Thanh Hóa	186401C	2.62	Khá
468	112	1864010141	Lê Thị Thương	Nữ	26.12.2000	Thanh Hóa	186401C	3.30	Giỏi
469	113	1864010142	Lê Thị Thương	Nữ	23.04.1999	Thanh Hóa	186401C	2.93	Khá
470	114	1864010143	Đỗ Thị Thủy	Nữ	26.12.2000	Thanh Hóa	186401C	2.53	Khá
471	115	1864010148	Lê Thị Vân	Nữ	04.02.2000	Thanh Hóa	186401C	2.60	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Kế toán (Ngành 2)									
472	1	1764020022	Phạm Mai Lê	Nữ	08.12.1999	Thanh Hóa	198401A	2.56	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Quản trị kinh doanh									
473	1	1564020049	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	11.10.1997	Thanh Hóa	156402A	2.27	Trung bình
474	2	1764020005	Lê Tuấn Anh	Nam	05.11.1998	Thanh Hóa	176402A	2.31	Trung bình
475	3	1764020006	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	17.04.1999	Thanh Hóa	176402B	2.47	Trung bình
476	4	1764020009	Đỗ Ngọc Cường	Nam	20.02.1997	Thanh Hóa	176402B	2.49	Trung bình
477	5	1764020025	Lê Nhật Minh	Nữ	20.12.1999	Thanh Hóa	176402B	2.38	Trung bình
478	6	1864020004	Lê Ngọc Chiến	Nam	26.12.2000	Thanh Hóa	186402A	2.56	Khá
479	7	1864020046	Lê Viết Đức	Nam	24.12.2000	Thanh Hóa	186402A	2.19	Trung bình
480	8	1864020052	Trần Thị Duyên	Nữ	05.11.1999	Thanh Hóa	186402A	2.54	Khá
481	9	1864020010	Dương Thị Thanh Hoa	Nữ	15.07.1998	Thanh Hóa	186402A	3.01	Khá
482	10	1864020011	Hoàng Thái Hưng	Nam	20.10.2000	Thanh Hóa	186402A	2.43	Trung bình
483	11	1864020012	Chu Tuấn Kiệt	Nam	03.01.2000	Thanh Hóa	186402A	2.64	Khá
484	12	1864020071	Lê Thu Mai	Nữ	08.09.2000	Thanh Hóa	186402A	2.10	Trung bình
485	13	1864020074	Lê Đức Mạnh	Nam	11.04.2000	Thanh Hóa	186402A	2.26	Trung bình
486	14	1864020015	Lê Đình Nguyên	Nam	10.05.2000	Thanh Hóa	186402A	2.81	Khá
487	15	1864020107	Vongdeuan Phetthavy	Nữ	09.11.1998	CHDCND Lào	186402A	2.46	Trung bình
488	16	1864020020	Ngô Văn Thái	Nam	04.10.1998	Thanh Hóa	186402A	2.74	Khá
489	17	1864020022	Phạm Thị Thúy	Nữ	16.05.2000	Thanh Hóa	186402A	2.88	Khá
490	18	1864020024	Phạm Thị Ngọc Trang	Nữ	10.10.2000	Thanh Hóa	186402A	2.84	Khá
491	19	1864020023	Lê Thị Thu Trang	Nữ	28.10.2000	Thanh Hóa	186402A	2.90	Khá
492	20	1864020025	Vũ Thị Kiều Trinh	Nữ	10.10.2000	Thanh Hóa	186402A	2.68	Khá
493	21	1864020031	Bimnoy Vanthong	Nữ	01.11.1999	CHDCND Lào	186402A	2.47	Trung bình
494	22	1864020036	Trần Phương Anh	Nữ	14.10.2000	Thanh Hóa	186402B	2.83	Khá
495	23	1864020042	Lê Văn Cường	Nam	08.10.1996	Thanh Hóa	186402B	2.59	Khá
496	24	1864020045	Nguyễn Văn Đức	Nam	03.06.1999	Thanh Hóa	186402B	2.55	Khá
497	25	1864020053	Lê Thị Hà Giang	Nữ	10.12.2000	Thanh Hóa	186402B	2.69	Khá
498	26	1864020055	Phạm Thị Hồng	Nữ	26.12.2000	Thanh Hóa	186402B	2.39	Trung bình
499	27	1864020110	Nguyễn Minh Huy	Nam	06.04.1995	Thanh Hóa	186402B	2.58	Khá
500	28	1864020059	Lương Văn Khuê	Nam	17.08.2000	Thanh Hóa	186402B	2.48	Trung bình
501	29	1864020066	Lê Thị Linh	Nữ	15.11.2000	Thanh Hóa	186402B	2.70	Khá
502	30	1864020069	Nguyễn Thành Luân	Nam	12.04.1997	Thanh Hóa	186402B	2.43	Trung bình
503	31	1864020070	Lê Huyền Mai	Nữ	04.05.2000	Thanh Hóa	186402B	2.27	Trung bình
504	32	1864020072	Nguyễn Thị Mai	Nữ	15.04.1999	Thanh Hóa	186402B	3.05	Khá
505	33	1864020073	Lê Xuân Mạnh	Nam	03.06.2000	Thanh Hóa	186402B	2.87	Khá
506	34	1864020077	Trịnh Quang Minh	Nam	17.02.1998	Thanh Hóa	186402B	2.31	Trung bình
507	35	1864020078	Hoàng Trà My	Nữ	17.11.2000	Thanh Hóa	186402B	2.52	Khá
508	36	1864020079	Trịnh Thị Thu Ngân	Nữ	06.09.2000	Thanh Hóa	186402B	2.50	Khá
509	37	1864020080	Nguyễn Thị Như Ngọc	Nữ	08.10.2000	Thanh Hóa	186402B	2.24	Trung bình
510	38	1864020082	Nguyễn Thị Hải Nhung	Nữ	28.02.1998	Thanh Hóa	186402B	2.54	Khá
511	39	1864020081	Trần Thị Hồng Nhung	Nữ	08.09.2000	Thanh Hóa	186402B	2.46	Trung bình
512	40	1864020083	Lương Trọng Phú	Nam	30.06.2000	Thanh Hóa	186402B	2.15	Trung bình
513	41	1864020086	Hoàng Thị Phương	Nữ	02.03.2000	Thanh Hóa	186402B	2.42	Trung bình
514	42	1864020084	Vũ Mai Phương	Nữ	22.02.2000	Thanh Hóa	186402B	2.20	Trung bình
515	43	1864020091	Nguyễn Khắc Thắng	Nam	11.12.1996	Thanh Hóa	186402B	2.25	Trung bình
516	44	1864020092	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	10.05.2000	Thanh Hóa	186402B	2.45	Trung bình
517	45	1864020098	Lê Quỳnh Trang	Nữ	16.09.2000	Thanh Hóa	186402B	2.19	Trung bình
518	46	1864020100	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	05.04.2000	Thanh Hóa	186402B	2.44	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngành 2)									
519	1	1884020001	Lưu Thị Vân Anh	Nữ	22.05.1999	Thanh Hóa	188402A	3.41	Giỏi
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Tài Chính- Ngân hàng									
520	1	1464030006	Lê Thị Dung	Nữ	18.08.1995	Thanh Hóa	146403A	2.52	Khá
521	2	1764030025	Soukphavanh Chanthala	Nam	19.11.1997	CHDCND Lào	176403A	2.03	Trung bình
522	3	1864030004	Hách Lê Trường Đức	Nam	12.10.1999	Thanh Hóa	186403A	2.18	Trung bình
523	4	1864030005	Dương Đức Dũng	Nữ	21.11.2000	Thanh Hóa	186403A	2.57	Khá
524	5	1864030006	Lương Văn Dũng	Nam	20.05.1995	Thanh Hóa	186403A	2.58	Khá
525	6	1864030008	Lê Thị Hiền	Nữ	28.03.2000	Thanh Hóa	186403A	2.68	Khá
526	7	1864030016	Mai Phương Thanh	Nữ	24.01.2000	Thanh Hóa	186403A	2.51	Khá
527	8	1864030017	Vũ Thị Thủy	Nữ	26.01.2000	Thanh Hóa	186403A	2.63	Khá
528	9	1864030023	Thịnh Thị ánh Tuyết	Nữ	28.10.2000	Thanh Hóa	186403A	2.60	Khá
529	10	1764030022	Lê Đức Việt	Nam	24.01.1995	Thanh Hóa	186403A	2.83	Khá
530	11	1864030028	Siphone Xonemixay	Nam	14.05.1999	CHDCND Lào	186403A	2.35	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Kinh tế									
531	1	1864060002	Nguyễn Công Giới	Nam	28.09.2000	Thanh Hóa	186406A	2.70	Khá
532	2	1864060003	Dương Thị Thu Hà	Nữ	19.11.2000	Thanh Hóa	186406A	2.70	Khá
533	3	1864060005	Lê Thị Hằng	Nữ	26.10.2000	Thanh Hóa	186406A	2.56	Khá
534	4	1864060006	Trịnh Thị Huyền	Nữ	11.02.2000	Thanh Hóa	186406A	2.85	Khá
535	5	1864060010	Lê Thị Xuân Quỳnh	Nữ	08.08.2000	Thanh Hóa	186406A	2.82	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Luật										
536	1	1768010024	Lê Khắc	Thành	Nam	24.01.1999	Thanh Hóa	176801A	2.11	Trung bình
537	2	1868010042	La	Boun Onexay	Nam	17.09.2000	CHDCND Lào	186801A	2.26	Trung bình
538	3	1868010044	Phanmixay	Chanmixay	Nam	10.11.1998	CHDCND Lào	186801A	2.29	Trung bình
539	4	1868010007	Lê Minh	Chính	Nam	21.05.2000	Thanh Hóa	186801A	2.65	Khá
540	5	1868010010	Đỗ Mạnh	Cường	Nam	05.11.2000	Thanh Hóa	186801A	2.55	Khá
541	6	1868010047	Vite	Douangmala	Nam	22.07.2000	CHDCND Lào	186801A	2.24	Trung bình
542	7	1868010011	Nguyễn Thùy	Dung	Nữ	02.05.1999	Thanh Hóa	186801A	2.99	Khá
543	8	1868010013	Phạm Tiến	Dũng	Nam	04.03.2000	Thanh Hóa	186801A	3.35	Giỏi
544	9	1868010014	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	13.09.2000	Thanh Hóa	186801A	2.66	Khá
545	10	1868010015	Trần Thu	Huyền	Nữ	17.09.2000	Thanh Hóa	186801A	2.56	Khá
546	11	1868010023	Vì Thị	Nam	Nữ	20.06.2000	Thanh Hóa	186801A	2.84	Khá
547	12	1868010025	Lê Thị Tuyết	Nhung	Nữ	27.12.1999	Gia Lai	186801A	2.54	Khá
548	13	1868010048	Soukphaphone	Phommamaxay	Nam	26.02.1999	CHDCND Lào	186801A	2.29	Trung bình
549	14	1868010040	Xaithong	Phouyveexay	Nam	17.11.1996	CHDCND Lào	186801A	2.21	Trung bình
550	15	1868010055	Hàn Ngọc	Quân	Nam	09.03.1996	Thanh Hóa	186801A	2.93	Khá
551	16	1868010026	Trịnh Anh	Quân	Nam	25.12.2000	Thanh Hóa	186801A	2.45	Trung bình
552	17	1868010029	Nguyễn Hải	Quỳnh	Nữ	07.01.2000	Thanh Hóa	186801A	2.99	Khá
553	18	1868010049	Moutsady	Souansakda	Nam	03.07.1999	CHDCND Lào	186801A	2.35	Trung bình
554	19	1868010050	Phongsavanh	Soukphaphomma	Nam	08.03.1999	CHDCND Lào	186801A	2.39	Trung bình
555	20	1868010041	Nomphone	Sybounheuang	Nam	06.07.1998	CHDCND Lào	186801A	2.54	Khá
556	21	1868010037	Phan Aloun	Thammavongxai	Nam	01.01.2000	CHDCND Lào	186801A	2.32	Trung bình
557	22	1868010052	Sithong	Thongnaly	Nam	18.05.1997	CHDCND Lào	186801A	2.18	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Ngôn ngữ Anh										
558	1	1867020007	Nguyễn Thị Tú	Duyên	Nữ	13.10.2000	Thanh Hóa	186702A	3.30	Giỏi
559	2	1867020008	Phạm Thị	Hà	Nữ	04.10.2000	Thanh Hóa	186702A	2.57	Khá
560	3	1867020010	Nguyễn Thủy	Hằng	Nữ	09.11.2000	Thanh Hóa	186702A	3.44	Giỏi
561	4	1867020062	Phạm Thị	Hiền	Nữ	12.06.2000	Thanh Hóa	186702A	2.53	Khá
562	5	1867020013	Lê Xuân	Hiếu	Nam	25.04.2000	Thanh Hóa	186702A	2.68	Khá
563	6	1867020015	Trần Thị Khánh	Hòa	Nữ	28.08.2000	Thanh Hóa	186702A	2.97	Khá
564	7	1867020017	Hoàng Thị	Hoài	Nữ	28.08.2000	Thanh Hóa	186702A	2.46	Trung bình
565	8	1867020016	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	16.07.2000	Thanh Hóa	186702A	2.61	Khá
566	9	1867020018	Lê Thị	Hồng	Nữ	16.08.2000	Thanh Hóa	186702A	2.80	Khá
567	10	1867020022	Ngô Trần Đình	Khải	Nam	04.03.2000	Thanh Hóa	186702A	2.92	Khá
568	11	1867020026	Mã Thị	Lì	Nữ	05.10.2000	Thanh Hóa	186702A	2.98	Khá
569	12	1867020027	Hà Thị	Linh	Nữ	10.01.2000	Thanh Hóa	186702A	2.50	Khá
570	13	1867020029	Nguyễn Thị Hoài	Nam	Nữ	23.03.2000	Thanh Hóa	186702A	2.65	Khá
571	14	1867020030	Lê Thị Huệ	Ngân	Nữ	21.10.2000	Thanh Hóa	186702A	2.68	Khá
572	15	1867020032	Phạm Vũ Thảo	Ngân	Nữ	06.10.2000	Thanh Hóa	186702A	2.74	Khá
573	16	1867020035	Vương Thị Yến	Nhi	Nữ	17.09.2000	Thanh Hóa	186702A	3.20	Giỏi
574	17	1867020038	Trịnh Thảo	Phượng	Nữ	03.09.2000	Thanh Hóa	186702A	3.04	Khá
575	18	1867020040	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	17.09.2000	Thanh Hóa	186702A	2.87	Khá
576	19	1867020048	Lê Thị	Thu	Nữ	20.01.2000	Thanh Hóa	186702A	2.92	Khá
577	20	1867020052	Đoàn Minh	Trang	Nữ	20.11.2000	Thanh Hóa	186702A	3.00	Khá
578	21	1867020053	Lê Thị	Trang	Nữ	20.06.1997	Thanh Hóa	186702A	2.87	Khá
579	22	1867020057	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	04.08.2000	Thanh Hóa	186702A	3.41	Giỏi
580	23	1867020060	Trần Thị	Yến	Nữ	22.04.1999	Thanh Hóa	186702A	2.78	Khá
581	24	1867020002	Đỗ Ngọc	Ánh	Nữ	23.07.1999	Thanh Hóa	186702B	2.77	Khá
582	25	1867020003	Trần Thị Hồng	Ánh	Nữ	15.01.1995	Thanh Hóa	186702B	3.21	Giỏi
583	26	1867020004	Lê Thị Ngọc	Bích	Nữ	12.12.1999	Thanh Hóa	186702B	3.13	Khá
584	27	1867020005	Trương Thị	Châu	Nữ	21.11.2000	Thanh Hóa	186702B	2.90	Khá
585	28	1867020006	Đậu Văn	Chiến	Nam	07.08.1999	Thanh Hóa	186702B	3.29	Giỏi
586	29	1867020009	Đặng Thị	Hải	Nữ	16.08.2000	Thanh Hóa	186702B	2.87	Khá
587	30	1867020014	Trịnh Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	24.01.2000	Thanh Hóa	186702B	2.60	Khá
588	31	1867020020	Lê Thanh	Hương	Nữ	23.12.2000	Thanh Hóa	186702B	3.05	Khá
589	32	1867020025	Nguyễn Sơn	Lâm	Nam	22.07.1998	Thanh Hóa	186702B	3.25	Giỏi
590	33	1867020034	Đỗ Việt	Nhật	Nam	25.12.1999	Thanh Hóa	186702B	2.78	Khá
591	34	1867020037	Trịnh Văn	Phong	Nam	30.11.1999	Thanh Hóa	186702B	2.53	Khá
592	35	1867020039	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	08.08.2000	Thanh Hóa	186702B	3.41	Giỏi
593	36	1867020042	Trịnh Minh	Quang	Nam	11.11.1999	Thanh Hóa	186702B	3.10	Khá
594	37	1867020044	Lê Thị	Quỳnh	Nữ	17.03.2000	Thanh Hóa	186702B	2.83	Khá
595	38	1867020043	Phan Thị Hải	Quỳnh	Nữ	16.09.2000	Thanh Hóa	186702B	3.18	Khá
596	39	1867020046	Lê Hồng	Sơn	Nam	04.08.2000	Thanh Hóa	186702B	3.39	Giỏi
597	40	1867020047	Lê Văn	Tân	Nam	12.02.1998	Thanh Hóa	186702B	2.38	Trung bình
598	41	1867020049	Lê Ngọc	Thức	Nam	10.05.1999	Thanh Hóa	186702B	3.05	Khá
599	42	1867020050	Lê Thị Thanh	Thủy	Nữ	18.12.2000	Thanh Hóa	186702B	2.61	Khá
600	43	1867020051	Vũ Văn	Toàn	Nam	17.03.1997	Thanh Hóa	186702B	2.94	Khá
601	44	1867020055	Trần Văn	Trung	Nam	09.09.1998	Thanh Hóa	186702B	2.66	Khá
602	45	1867020056	Nguyễn Văn	Trường	Nam	21.08.1999	Thanh Hóa	186702B	3.16	Khá
603	46	1867020059	Phạm Văn	Vượng	Nam	22.10.2000	Thanh Hóa	186702B	3.01	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Lâm nghiệp									
604	1	1563080004	Hơ Cà Dính	Nam	01.02.1996	Thanh Hóa	156308A	2.25	Trung bình
605	2	1563080014	Phạm Văn Hội	Nam	21.04.1996	Thanh Hóa	156308A	2.25	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Cử nhân Nông học									
606	1	1563050009	Trương Đức Giang	Nam	20.05.1995	Thanh Hóa	156305A	2.44	Trung bình
Bậc: Đại học Cấp bằng: Kỹ sư Chăn nuôi									
607	1	1763020043	Phạm Đức Hải	Nam	10.07.1997	Thanh Hóa	176302A	2.88	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Kỹ sư Kỹ thuật điện									
608	1	1862030003	Lê Thành Long	Nam	07.12.2000	Thanh Hóa	186203A	2.77	Khá
Bậc: Đại học Cấp bằng: Kỹ sư Kỹ thuật điện, điện tử									
609	1	1662030030	Lê Minh Đạt	Nam	01.10.1998	Thanh Hóa	176203A	2.78	Khá
610	2	1762030013	Lê Đình Khánh	Nam	09.06.1999	Thanh Hóa	176203A	2.10	Trung bình
Bậc: Cao đẳng Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục Mầm non									
611	1	196C680001	Nguyễn Thị Vân Anh	Nữ	15.06.2001	Thanh Hóa	196C68A	3.19	Khá
612	2	196C680003	Đỗ Thị Ngọc Ánh	Nữ	20.05.2001	Thanh Hóa	196C68A	2.60	Khá
613	3	196C680004	Nguyễn Thị Diệp	Nữ	16.04.2001	Thanh Hóa	196C68A	2.73	Khá
614	4	196C680006	Trịnh Cẩm Dung	Nữ	31.10.1998	Thanh Hóa	196C68A	3.31	Giỏi
615	5	196C680011	Lê Thị Hạnh	Nữ	02.10.2001	Thanh Hóa	196C68A	2.80	Khá
616	6	196C680015	Lê Thị Hồng	Nữ	28.02.2001	Thanh Hóa	196C68A	2.69	Khá
617	7	196C680016	Kiều Lan Hương	Nữ	17.07.2000	Thanh Hóa	196C68A	2.70	Khá
618	8	196C680023	Bùi Huyền Linh	Nữ	12.12.1999	Thanh Hóa	196C68A	3.26	Giỏi
619	9	196C680071	Đỗ Hồng Ngọc	Nữ	02.09.2001	Thanh Hóa	196C68A	2.99	Khá
620	10	196C680032	Đào Thị Phương	Nữ	26.06.2001	Thanh Hóa	196C68A	2.88	Khá
621	11	196C680043	Lê Kiều Trinh	Nữ	25.10.2000	Thanh Hóa	196C68A	2.92	Khá
622	12	196C680044	Bùi Thị Tố Uyên	Nữ	01.12.2001	Thanh Hóa	196C68A	3.09	Khá
623	13	196C680051	Lại Thu Hà	Nữ	15.02.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.81	Khá
624	14	196C680053	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	02.10.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.90	Khá
625	15	196C680055	Trương Thị Hiền	Nữ	20.02.2000	Thanh Hóa	196C68B	2.73	Khá
626	16	196C680058	Phạm Thị Thương Hương	Nữ	25.01.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.85	Khá
627	17	196C680060	Lê Thị Lam	Nữ	03.09.2001	Thanh Hóa	196C68B	3.15	Khá
628	18	196C680062	Nguyễn Trần Hoàng Liên	Nữ	16.08.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.85	Khá
629	19	196C680061	Trương Thị Liên	Nữ	02.04.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.97	Khá
630	20	196C680067	Lê Thị Lựa	Nữ	29.11.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.82	Khá
631	21	196C680068	Vàng Thị Nga	Nữ	05.04.2000	Thanh Hóa	196C68B	2.45	Trung bình
632	22	196C680073	Lê Thị Nguyệt	Nữ	20.11.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.69	Khá
633	23	196C680074	Vũ Thị Nhung	Nữ	03.03.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.86	Khá
634	24	196C680075	Lê Thị Phương	Nữ	15.05.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.84	Khá
635	25	196C680077	Nguyễn Thị Đan Phượng	Nữ	17.11.1999	TP Hồ Chí Minh	196C68B	3.39	Giỏi
636	26	196C680036	Mai Thị Tâm	Nữ	20.06.2000	Thanh Hóa	196C68B	2.95	Khá
637	27	196C680079	Phạm Thị Thắm	Nữ	23.10.2001	Thanh Hóa	196C68B	3.03	Khá
638	28	196C680080	Nguyễn Thị Phương Thanh	Nữ	08.09.1998	Thanh Hóa	196C68B	3.59	Giỏi
639	29	196C680081	Lê Thị Thu	Nữ	18.08.2001	TP Hồ Chí Minh	196C68B	2.75	Khá
640	30	196C680082	Nguyễn Kim Thủy	Nữ	01.05.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.75	Khá
641	31	196C680084	Lê Thị Trang	Nữ	29.08.2000	Thanh Hóa	196C68B	3.16	Khá
642	32	196C680083	Trần Thị Trang	Nữ	26.03.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.71	Khá
643	33	196C680086	Hoàng Thị Tuyết	Nữ	28.12.2000	Thanh Hóa	196C68B	2.98	Khá
644	34	196C680087	Vũ Thị Xinh	Nữ	25.01.2001	Thanh Hóa	196C68B	2.91	Khá

STT TN	STT	Mã SV	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Lớp học	TBC TL	Xếp loại TN
Bậc: Cao đẳng Cấp bằng: Cử nhân Giáo dục Tiểu học										
645	1	186C740003	Đặng Ngọc	Ánh	Nữ	16.10.1999	Lâm Đồng	186C74A	2.87	Khá
646	2	186C740016	Lò Thị	Ngọc	Nữ	12.04.2000	Thanh Hóa	186C74A	2.71	Khá
647	3	186C740028	Vũ Thị	Sen	Nữ	15.11.1998	Thanh Hóa	186C74A	2.84	Khá
648	4	196C740006	Lê Thị Quỳnh	Anh	Nữ	09.10.2001	Thanh Hóa	196C74A	2.81	Khá
649	5	196C740005	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	Nữ	06.04.1999	Thanh Hóa	196C74A	3.27	Khá
650	6	196C740008	Hơ Chông	Di	Nam	09.03.2001	Thanh Hóa	196C74A	2.73	Khá
651	7	196C740012	Lê Thị	Hằng	Nữ	15.08.2001	Thanh Hóa	196C74A	3.22	Giỏi
652	8	196C740014	Lang Thị	Hường	Nữ	08.02.2001	Thanh Hóa	196C74A	2.72	Khá
653	9	196C740036	Nguyễn Phương	Huyền	Nữ	16.11.2001	Thanh Hóa	196C74A	2.91	Khá
654	10	196C740017	Nguyễn Thị Hằng	Mai	Nữ	20.10.2001	Thanh Hóa	196C74A	3.33	Giỏi
655	11	196C740019	Phạm Thị Quỳnh	Mai	Nữ	09.10.2001	Thanh Hóa	196C74A	3.05	Khá
656	12	196C740021	Lê Thị Hồng	Ngọc	Nữ	20.05.1999	Thanh Hóa	196C74A	3.41	Giỏi
657	13	196C740022	Hà Văn	Nhật	Nam	09.06.2001	Thanh Hóa	196C74A	2.68	Khá
658	14	196C740024	Lê Thị Linh	Phượng	Nữ	01.01.2001	Thanh Hóa	196C74A	3.15	Khá
659	15	196C740023	Lê Thị Thu	Phượng	Nữ	04.12.2001	Thanh Hóa	196C74A	2.75	Khá
660	16	196C740025	Nguyễn Anh	Phượng	Nữ	10.11.2001	Thanh Hóa	196C74A	3.15	Khá
661	17	196C740037	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	01.01.2000	Thanh Hóa	196C74A	2.59	Khá
662	18	196C740038	Nguyễn Xuân	Thùy	Nữ	23.12.2001	Thanh Hóa	196C74A	3.14	Khá
663	19	196C740030	Lê Đình	Tuấn	Nam	28.03.1996	Thanh Hóa	196C74A	3.62	Xuất sắc
664	20	196C740032	Lang Lê Tú	Uyên	Nữ	01.10.2001	Thanh Hóa	196C74A	2.66	Khá
Bậc: Cao đẳng Cấp bằng: Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh										
665	1	166C750017	Nguyễn Hữu	Trường	Nam	12.10.1996	Thanh Hóa	166C75A	2.73	Khá
666	2	196C750005	Vũ Lê Quang	Huy	Nam	08.09.2001	Thanh Hóa	196C75A	2.66	Khá
667	3	196C750007	Phạm Thị	Quyên	Nữ	10.07.2001	Thanh Hóa	196C75A	2.74	Khá
Bậc: Cao đẳng Cấp bằng: Cử nhân Kế toán										
668	1	186C700015	Lê Thị Diệu	Thúy	Nữ	04.06.1999	Thanh Hóa	186C70A	2.52	Khá
669	2	196C700014	Nguyễn Văn	Tiến	Nam	08.11.1998	Thanh Hóa	196C70A	2.45	Trung bình

Ấn định danh sách có 669 SV được công nhận và cấp bằng tốt nghiệp trong đó:

- + 610 SV đại học với 20 SV XLTN Xuất sắc, 114 SV XLTN Giỏi, 406 SV XLTN Khá, 70 SV XLTN Trung bình.
- + 59 SV cao đẳng với 01 SV XLTN Xuất sắc, 07 SV XLTN Giỏi, 49 SV XLTN Khá, 02 SV XLTN Trung bình.

